

Số: **144** /TM-TTYT

Krông Pa, ngày **07** tháng 02 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Krông Pa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán giá gói thầu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Mua sắm thiết bị y tế năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Krông Pa” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá:

1. Đơn vị mời báo giá: Trung tâm Y tế huyện Krông Pa, địa chỉ: Số 142 Thống Nhất, trị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp bản báo giá tại địa chỉ: Phòng Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Krông Pa. Số 142 Thống Nhất, trị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Điện thoại: 02693607511, Email: khtvkrongpa@gmail.com.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ 00 phút ngày 07 tháng 02 năm 2025 đến trước 10 giờ 00 phút ngày 18 tháng 02 năm 2025.

4. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

Các đơn vị khi gửi bản báo giá phải gửi kèm theo một bộ Hồ sơ pháp lý còn hiệu lực của đơn vị.

II. Nội dung yêu cầu mời báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế (như phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

2. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá và nếu vi phạm quy định trên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PDD.

GIÁM ĐỐC



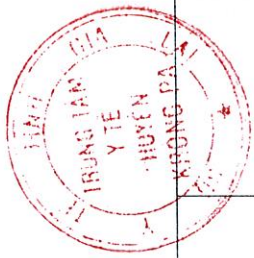
Trương Thanh Liêm



PHỤ LỤC
DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ
(Kèm theo Thư mời báo giá số: A44/TM-TTYT, ngày 07/02/2025 của Trung tâm Y tế huyện Krông Pa)

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xét nghiệm sinh hóa (tự động)	Cấu hình bao gồm: - Máy chính: 01 máy - Máy tính (mua trong nước) kèm phần mềm điều khiển: 01 chiếc - Máy in khổ giấy A4 (mua trong nước): 01 chiếc - Khay đựng bệnh phẩm: 01 chiếc - Khay đựng thuốc thử: 01 chiếc - Cuvette nhựa: 01 bộ - Bộ thuốc thử ban đầu: GOT, GPT, Glucose (xuất xứ Đức): mỗi loại 1 hộp - Calibrator và QC tương ứng với thuốc thử ban đầu (xuất xứ: Đức): mỗi loại 01 lọ. - Dịch rửa đi kèm theo máy (xuất xứ Nhật Bản): 01 bộ - Bộ lưu điện 1KVA (mua trong nước): 01 bộ - Bộ lọc nước RO công suất 10L/giờ (mua trong nước): 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ I. Yêu cầu chung - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2023-2024; - Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Nhiệt độ làm việc: 15-30°C, Độ ẩm hoạt động: tới 80% (không ngưng tụ). - Nguồn điện cung cấp: 220/230 VAC, 50/60Hz II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính: 01 máy	Hệ thống	1	

- Bộ máy tính (cấu hình tối thiểu CPU i5, RAM 4Gb, HDD 1TB), màn hình LCD ≥ 19.5 inch, bàn phím, chuột, kèm phần mềm điều khiển: 01 bộ - Phụ kiện tiêu chuẩn: + Khay đựng bệnh phẩm: 01 chiếc + Khay đựng thuốc thử: 01 chiếc + Cuvette nhựa: 01 bộ ≥ 60 cái - Hóa chất kèm theo: + Bộ thuốc thử ban đầu: GOT, GPT, Glucose mỗi loại tối thiểu 1 hộp tương đương 500 test, hóa chất thử nghiệm HbA1c và các thông số khác khi có yêu cầu; + Hóa chất chuẩn và hóa chất kiểm tra tương ứng với thuốc thử ban đầu; + Dung dịch rửa máy: Hai loại (acid wash solution và Alkalim Wash solution) mỗi loại tối thiểu 01 chai ≥ 500ml - Bộ lưu điện UPS công suất ≥ 1.000VVA - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ - Bộ lọc nước RO công suất ≥ 10 lít/giờ: 1 bộ - Máy in khổ giấy A4: 1 chiếc III. Chỉ tiêu kỹ thuật - Số xét nghiệm có thể chạy cùng lúc ≥ 36 xét nghiệm sinh hóa cho một mẫu bệnh phẩm. - Công suất xét nghiệm: ≥ 270 xét nghiệm sinh hóa/giờ, - Quy trình ly giải mẫu máu toàn phần cho xét nghiệm HbA1C hoàn toàn tự động. - Phương pháp đo: điểm cuối, động học; - Đường hiệu chuẩn: ≥ 8 loại (Linear 1, linear 2, spline, factor, logit 1, logit 2, exponential, polynomial) Chỉ tiêu kỹ thuật: * Thông số đo			
--	--	--	--



	- Xét nghiệm sinh hóa : LD (LDH), AST(GOT), ALT(GPT), ALP, γ-GT, CK (CPK), CK-MB, Che, AMY, LAP, CRE, UA, Urea (BUN), Cys-C, TG, T-CHO, HDL-C, LDL-C, TP, ALB, IP, Mg, Ca, Fe, UIBC, Zn, Cu, GLU, HbA1c, T-BIL, D-BIL. - Xét nghiệm miễn dịch độ đục: CRP, RF, Ferritin. - Xét nghiệm Vitamin: Vitamin B12, Vitamin D, Folate. * Quản lý mẫu bệnh phẩm - Loại bệnh phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần, nước tiểu, mẫu tán huyết, dịch não tủy - Ống bệnh phẩm: Dạng cup, ống nghiệm thông thường (5, 7, 10ml) - Số lượng bệnh phẩm trên máy: ≥ 30 vị trí bệnh phẩm và ≥ 45 vị trí cho chất chuẩn và mẫu trắng - Khay bệnh phẩm: Có thể lựa chọn khay mẫu bệnh phẩm, hoặc khay Calibration và QC. - Thể tích hút bệnh phẩm: từ $\leq 2\mu\text{l}$ đến $\leq 25\mu\text{l}$ (bước điều chỉnh 0,1μl) - Tỷ lệ pha loãng: Từ 0,5 đến 100 lần. - Thêm mẫu cấp cứu bất cứ lúc nào trong quá trình đo. * Quản lý thuốc thử - Khay đựng hóa chất: + Có thể tháo rời. + Được làm lạnh từ 5oC đến 15oC + Khay hóa chất: ≥ 36 vị trí. + Số vị trí lọ hóa chất: ≥ 72 + Kích thước lọ hóa chất: + Loại khay ≥ 36 vị trí : 13ml, 25ml, 40ml - Thể tích hút hóa chất: R1 từ ≤ 140 đến $\geq 300\mu\text{l}$, R2 từ ≤ 20 đến $\geq 260\mu\text{l}$ (bước điều chỉnh 1μl). - Bảo quản lạnh hóa chất: +5oC đến +15oC		
--	--	--	--

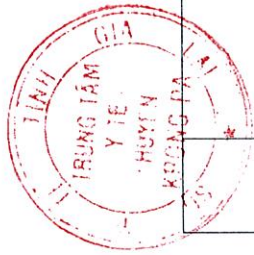
		- Phần mềm có thể kiểm tra thể tích hóa chất, cảm biến mức hóa chất, tính toán thể tích hóa chất còn lại - Hệ thống hóa chất mờ * Quản lý buồng phản ứng - Cuvette: + Chất liệu cuvette: Plastics (có thể tái sử dụng) hoặc tương đương + Thể tích phản ứng: $\leq 140\mu\text{l}$ đến $\geq 400\mu\text{l}$. + Nhiệt độ phản ứng: $37^{\circ}\text{C} \pm 0.1^{\circ}\text{C}$ - Trộn mẫu bệnh phẩm và hóa chất bằng áp suất khí (không trộn bằng que khuấy, tránh lan nhiễm chéo) - Thời gian phản ứng: xấp xỉ ≤ 10 phút (Sau khi hút R1 ≤ 5 phút, sau khi hút R2 ≤ 5 phút) - Tự động rửa cuvette bằng nước ấm và 2 loại dung dịch rửa. - Tiêu thụ nước: ≤ 3.8 lít/giờ * Hệ thống quang học - Dải đo quang: ≥ 13 bước sóng - Nguồn phát quang học: Bóng đèn Halogen hoặc tương đương - Dải hấp thụ: OD 0 đến ≤ 2.5 * Quản lý chất chuẩn và hiệu chuẩn - Kiểm chuẩn: Hiện tại, hàng ngày và tổng hợp QC. Thuật toán Westgard. 3. Các yêu cầu kỹ thuật khác: * Hệ thống phần mềm - Giao diện sử dụng: Phù hợp kỹ thuật. - Hệ điều hành: Tương thích. - Kết nối đầu ra: Kết nối Ethernet. - Kết nối mạng LIS qua cổng RS 232/LAN IV. Yêu cầu khác - Bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng. - Bảo trì thiết bị tối thiểu 3 tháng 1 lần (trong thời gian bảo hành)			
--	--	---	--	--	--

		- Hướng dẫn sử dụng			
3	Máy súc rửa da dày	Máy chính: 1 cái Phụ kiện: 1 Bộ HDSD tiếng Anh, Tiếng Việt: 1 Bộ Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 về sau; Áp lực rửa da dày: 47-55KPa Dòng chảy da dày Điều kiện đầu vào: $\leq 350\text{ml/T}$ Điều kiện đầu ra: $\leq 450\text{ml/T}$ Cân bằng thể tích chất lỏng : $\leq 250\text{ml/T}$ Chu kỳ rửa da dày $< 40\text{s}$ Độ ồn: $< 55\text{dB(A)}$ Nguồn điện: $\text{AC}220\text{-}\pm 22\text{V}, 50\text{Hz}\pm 1\text{Hz}$ Công suất: $< 80\text{VA}$ Kích thước: $40 \times 34 \times 19\text{ cm}$ Trọng lượng: 9.2kg Điều kiện hoạt động: - Nhiệt độ môi trường: $5-40^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm tương đối: $\leq 80\%$ - Áp suất không khí: $800-1060\text{hPa}$	Cái	1	
4	Xe đẩy băng ca	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 về sau; - Kích thước (Dài x Rộng x Cao): $1900 \times 600 \times 700\text{ mm}$ - Chất liệu: Inox 304 – Đặc điểm: + Xe cồng có đầu nâng, có đệm + Khung xe bằng Inox ống, đường kính 32mm + Khung băng ca: Inox ống 25mm + Mặt băng ca: Inox tấm, có đệm mút dày 5 cm bọc giả da + Hai bên xe cồng có lan can có thể nâng lên hạ xuống dễ dàng.	Cái	10	



5	Xe lăn bệnh nhân	+ Xe được lắp 4 bánh xe đường kính 100 mm có khoá hãm phanh 2 bánh + Xe có chỗ để đồ và 1 cộc truyền dịch đi kèm theo xe Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 về sau; - Khung xe: Thép mạ crom - Bánh xe: 4 bánh lốp đặc PVC + Bánh trước 8 inch điều hướng xoay 360 độ. + Bánh sau: 24 inch có phanh hãm - Ghế ngồi: Ghế vải kẻ, rộng 65cm - Tải trọng tối đa: 120kg - Kích thước: 90 x 65 x 70cm - Trọng lượng xe: 16kg (18kg cả thùng) - Tựa tay: Bọc da simili cao cấp - Vị trí để chân: Chất liệu nhôm, có định - Kích thước thùng: 91x20x87cm	Cái	10	
6	Giường bệnh nhân	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 về sau; - Kích thước (Dài x Rộng x Cao): 1900 x 900 x 540 mm - Chiều cao từ mặt đất đến đỉnh cộc màn: 1650 mm - Chân giường ống inox phi 32 mm - Khung giường hộp 30 x 60 mm - Dát giường hộp 10 x 40 mm - Nệm đỡ đầu giường hộp vuông 25 mm - Nệm đỡ đầu giường ống phi 13 mm - Cộc màn chữ U để treo khăn mặt (Có móc màn) ống phi 16 mm - Chân đế cao su - Nệm giường: nệm mút dày 70mm - Chất liệu: inox 304	Cái	17	
7	Tủ đầu giường bệnh nhân	Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2024 về sau; Chất liệu Nhựa PP/ABS 5 tầng Kích thước: Cao 128cm x rộng 38cm x sâu 45.5 cm	Cái	17	

8	Máy vi tính để bàn	Máy vi tính Tiêu chuẩn: Hãng sản xuất phải đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 Năm sản xuất: 2024 Bộ vi xử lý: Intel Core i5 13400 / 2.5GHz Turbo 4.6GHz / 10 Nhân 16 Lường / 20MB / LGA 1700 Bảng mạch chủ sử dụng Chipset Intel® H610; 4 x DIMM max 128GB; Đồ họa Intel® UHD Onboard; Gigabit LAN controller; 1x PS/2 keyboard; 1x PS/2 mouse; 1x DisplayPort port; 1x HDMI port; 1x DVI-D port; 1x D-Sub port; 1x LAN (RJ45) ports; 1x Com port; 3x audio jacks; 4 x USB 3.2 Gen1 ports (2 cổng ra sau thân máy) 1x USB 3.2 Gen1 Type-A port; 1x USB 3.2 Gen1 Type-C port . 2 cổng chờ trên bo mạch chủ); 8 x USB 2.0 ports (4 cổng ra sau thân máy, 4 cổng chờ trên bo mạch chủ); 4x SATA 6Gb/s connectors; 1x LPT connector; 1x COM connector; 1x Chassis Intrusion connector; 1C 2.0 Onboard; 1x TPM module connector; 1 x M.2 2280/2260/2242 (Both SATA & x 2 PCIe mode); 1x M.2 slot with E key for WiFi (PCIe) module only(M2_2); 3 x PCIe; 1 x PCI; 3x đèn LED (báo hồng CPU, RAM, VGA sẵn trên bo mạch chủ) Các tính năng khác: + Khởi phục hệ điều hành windows bằng một nút nhấn + Lưu khóa bảo mật, chống sự xâm nhập trái phép. + Bảo vệ linh kiện máy tính khi bị sét đánh + Tăng cường tuổi thọ ổ cứng, truy xuất dữ liệu nhanh hơn. + Dọn dẹp file rác để hệ thống hoạt động nhanh & tiết kiệm năng lượng hơn + Dặt mật khẩu, thiết đặt BIOS từ xa + Update Bios từ xa + Điều khiển các chế độ từ xa: mở máy / ngủ đông / khởi động lại / ngủ / tắt máy	Bộ	10	
---	--------------------	--	----	----	--



			+ Hiện thị thông tin máy tính, quản lý tài sản từ xa: thông số, nhiệt độ, điện năng + Thiết lập thời gian bật máy tính theo thời gian thực Bộ nhớ: 16GB DDR4 Bus 3200Mhz Video controller: Intel® UHD Graphics Audio: 7.1-Channel High Definition Audio Ethernet: Gigabit LAN controller, M2 Wifi + Bluetooth Ổ cứng: SSD 512GB NVME Màn hình (<i>đồng bộ thương hiệu với máy tính</i>): CMS LED 21.5" Widescreen (kích thước màn hình: 21.5"; Độ phân giải: 1920 x 1080; Độ tương phản động: 180.000.000: 1; Cường độ sáng: 250 CD/m2; Công kết nối: VGA + HDMI; Tốc độ làm mới: 100Hz; Thời gian đáp ứng 1ms; Góc nhìn (đọc/ ngang): 178° / 178°) - Công nghệ Eyecare bảo vệ mắt giúp loại bỏ môi mắt cho người sử dụng Vỏ máy và nguồn (<i>đồng bộ thương hiệu với máy tính</i>): CMS Slim w/250W (Cảnh báo mở thùng máy bằng cách sử dụng phần mềm cài đặt trong máy tính để gửi thông qua thư điện tử đến người quản trị được khai báo trong hệ thống khi thùng máy bị mở) (1x Audio; 1x Mic, 2x USB 3.0, khe cắm thẻ nhớ (1x SD; 1x Micro SD)) Bàn phím (<i>đồng bộ thương hiệu với máy tính</i>): CMS standard chuẩn USB Chuột (<i>đồng bộ thương hiệu với máy tính</i>): CMS Optical chuẩn USB Bảo hành: 12 tháng tận nơi người sử dụng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Cái	07
9	Máy in		Máy in: Máy in Laser A4 trắng đen.		

		Tốc độ in: 12 trang/phút Độ phân giải: 2400 x 600dpi Bộ nhớ trong: 02 MB. Bản in đầu tiên mất 9.3 giây. Khay giấy tự động: 150 tờ A4 Công nghệ CAPT 2.1 in nhanh. Công nghệ Hi-SCoA nén dữ liệu. Thiết kế đường dẫn giấy ngăn hình chữ U giúp không kẹt giấy. Công nghệ sấy của Canon. Kích thước 370 x 251 x 217mm Trọng lượng máy: 5.7 kg. Kết nối với USB 2.0 High Speed			
	Tổng cộng: 09 Danh mục				